

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/DS-ST

Ngày: 18-02-2025

V/v “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Cẩm Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Ngọc Trứ
- Bà Đặng Thị Tiềm

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Tín, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Thành Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 303/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXX-ST ngày 02 tháng 01 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:*

1/ Ông **Võ Duy T**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: F Quốc lộ A, Phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của ông Võ Duy T: Bà Trần Thị D, sinh năm 1983;
Địa chỉ: Khu phố A, Phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 26/11/2024).

2/ Bà **Trần Thị D**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Khu phố A, Phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn*: Bà **Trần Thị P**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: A đường T, khu phố A, Phường A, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt bà D; vắng mặt bà P)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong Đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 30 tháng 10 năm 2024; Đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai bổ sung cùng ngày 26 tháng 11 năm 2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Võ Duy T và Trần Thị D (bà D cũng là đại diện theo ủy quyền của ông Võ Duy T) trình bày:*

Vợ chồng ông Võ Duy T, bà Trần Thị D và bà Trần Thị P có mối quan hệ bạn bè thân thiết, nhiều lần bà Trần Thị P hỏi vay tiền của vợ chồng ông T, bà D để làm ăn. Thời gian đầu bà P hỏi vay tiền của ông T, bà D ít nhất là 15.000.000 đồng, nhiều nhất là 50.000.000 đồng, chỉ vay từ vài ngày trả trả lại rồi vay tiếp.

Ngoài ra, bà P còn hỏi vay tiền của ông T và bà D để chuộc giấy tờ đất ra phân chia thừa kế và vay để đáo hạn Ngân hàng, ông T và bà D tin tưởng nên đã cho bà P vay các khoản tiền lớn gồm: 300.000.000 đồng, 420.000.000 đồng rồi 550.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận. Đối với số tiền vay để làm giấy tờ đất, bà P hứa khoảng 02 tháng sẽ trả lại cho ông T và bà D nhưng đến nay đã hơn 04 tháng bà P không trả tiền lãi và cũng không trả vốn.

Từ tháng 10/2023 đến tháng 04/2024, ông T và bà D đã cho bà P vay tiền 11 lần. Mỗi lần bà P vay tiền, ông T và bà D có yêu cầu bà P viết biên nhận nợ cho Võ Duy T. Những lần ông T và bà D cho bà Trần Thị P vay tiền và viết biên nhận nợ như sau:

1. Ngày 25/10/2023: 15.000.000 đồng.
2. Ngày 11/10/2023 (AL): 15.000.000 đồng (chung biên nhận).
3. Ngày 05/11/2023: 30.000.000 đồng.
4. Ngày 07/11/2023 (AL): 50.000.000 đồng.
5. Ngày 09/11/2023 (AL): 35.000.000 đồng.
6. Ngày 03/12/2023 (AL): 140.000.000 đồng.
7. Ngày 24/12/2023: 30.000.000 đồng.
8. Ngày 26/12/2023 (AL): 50.000.000 đồng.
9. Ngày 03/03/2024 (AL): 420.000.000 đồng.

10. Ngày 14/4/2024 (AL): 550.000.000 đồng (Vay chuộc đất làm hồ sơ thừa kế).

11. Ngày 27/04/2024 (AL): 300.000.000 đồng (Vay để đảo hạn Ngân hàng).

Tổng số tiền bà P vay của ông T và bà D là: 1.635.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm ba mươi lăm triệu đồng). Bà P đã trả cho ông T và bà D được số tiền 325.000.000 đồng. Bà P còn nợ ông T và bà D số tiền 1.310.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm mười triệu đồng).

Nay ông Võ Duy T và bà Trần Thị D yêu cầu:

- Bà Trần Thị P trả cho ông Võ Duy T và bà Trần Thị D số tiền 1.310.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm mười triệu đồng);

- Buộc bà Trần Thị P phải trả cho ông Võ Duy T và bà Trần Thị D số tiền lãi với mức lãi suất 2%/tháng (24%/năm) kể từ ngày 03/6/2024 (27/04/2024 AL) cho đến khi Tòa án xét xử xong vụ kiện tạm tính đến ngày 27/11/2024 (27/10/2024 AL) là 131.000.000 đồng (1.310.000.000 đồng x 2%/tháng x 5 tháng).

Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi tạm tính là 1.441.000.000 đồng.

Bị đơn bà Trần Thị P đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý; bản sao đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ của nguyên đơn; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không có ý kiến.

Tại phiên tòa;

Nguyên đơn Trần Thị D (cũng là đại diện hợp pháp của nguyên đơn Võ Duy T) trình bày bà D và ông T đã nhiều lần yêu cầu bà P trả số tiền còn nợ nhưng bà P cứ hứa hẹn mà không thực hiện nên nay yêu cầu bà Trần Thị P trả cho ông Võ Duy T và bà Trần Thị D số tiền 1.310.000.000 đồng và số tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 03/6/2024 cho đến nay (ngày Tòa án xét xử) là 8,5 tháng với số tiền 92.420.500 đồng (1.310.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 8,5 tháng = 92.420.500 đồng); bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng

dân sự. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Duy T và Trần Thị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Trần Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị P.

[2] Về nội dung:

Ông Võ Duy T và bà Trần Thị D yêu cầu bà Trần Thị P trả cho ông Võ Duy T và bà Trần Thị D số tiền 1.310.000.000đồng và số tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 03/6/2024 cho đến nay (ngày Tòa án ngày xét xử) là 8,5 tháng với số tiền 92.420.500đồng (1.310.000.000đồng x 0,83%/tháng x 8,5 tháng = 92.420.500đồng).

[2.1] Về xác định số tiền vay:

Ông Võ Duy T và bà Trần Thị D cung cấp cho Tòa án 10 biên nhận, đều có chữ ký và ghi họ tên của bà Trần Thị P gồm:

1. Biên nhận ngày 14/4/2024 (âm lịch) có ghi nội dung Trần Thị P có mượn của Võ Duy T số tiền 550.000.000đồng;
2. Biên nhận ngày 27/4/2024 (âm lịch) có ghi nội dung Trần Thị P có mượn của Võ Duy T số tiền 300.000.000đồng;
3. Biên nhận có ghi nội dung ngày 25/10/2023 Trần Thị P có mượn của Võ Duy T số tiền 15.000.000đồng; ngày 11/10/2023 (ÂL) 15.000.000đồng. Tổng cộng 02 lần là 30.000.000đồng;
4. Biên nhận ngày 07/11/2023 (âm lịch) có ghi nội dung Trần Thị P có nhận của Võ Duy T số tiền 50.000.000đồng;

5. Biên nhận ngày 05/11/2023 (âm lịch) có ghi nội dung Trần Thị P có nhận của Võ Duy T số tiền 30.000.000đồng;

6. Biên nhận ngày 09/11/2023 (âm lịch) có ghi nội dung Trần Thị P có mượn của Võ Duy T số tiền 35.000.000đồng;

7. Biên nhận ngày 03/12/2023 (âm lịch) có ghi nội dung Trần Thị P có mượn của Võ Duy T số tiền 140.000.000đồng;

8. Biên nhận ngày 24/12/2023 có ghi nội dung Trần Thị P có mượn của Võ Duy T số tiền 30.000.000đồng;

9. Biên nhận ngày 26/12/2023 (âm lịch) có ghi nội dung Trần Thị P có mượn của Võ Duy T số tiền 50.000.000đồng;

10. Biên nhận ngày 03/3/2024 (âm lịch) có ghi nội dung Trần Thị P có mượn của Võ Duy T số tiền 420.000.000đồng

Tổng số tiền vay của 10 biên nhận này là 1.635.000.000đồng. Ông T và bà D thống nhất số tiền này là tài sản chung của ông T, bà D đã cho bà P vay tiền và thừa nhận bà P đã trả cho ông T và bà D được số tiền 325.000.000đồng nên bà P còn nợ ông T và bà D số tiền 1.310.000.000đồng. Ông T và bà D đã nhiều lần yêu cầu bà P trả nợ nhưng bà P cứ hứa hẹn mà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Bà Trần Thị P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và lời trình bày của nguyên đơn. Tuy nhiên, bà P không phản đối hay có ý kiến gì đối với chứng cứ này. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là những tài liệu, chứng cứ có thật, phù hợp với quy định của pháp luật và có đủ cơ sở xác định bà Trần Thị P còn nợ lại ông Võ Duy T và bà Trần Thị D số tiền 1.310.000.000đồng.

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự thì bà Trần Thị P phải có nghĩa vụ trả ông Võ Duy T và bà Trần Thị D số tiền 1.310.000.000đồng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Trần Thị P trả cho ông Võ Duy T và bà Trần Thị D số tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 03/6/2024 cho đến ngày Tòa án xét xử là 8,5 tháng với số tiền 92.420.500đồng ($1.310.000.000\text{đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 8,5 \text{ tháng} = 92.420.500\text{đồng}$). Xét yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Duy T và Trần Thị D.

[3] Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị P có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

$36.000.000 \text{ đồng} + 3\% [(1.310.000.000\text{đồng} + 92.420.500\text{đồng}) - 800.000.000\text{đồng}] = 54.072.615\text{đồng}.$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Duy T và Trần Thị D.

Buộc bà Trần Thị P có nghĩa vụ trả cho ông Võ Duy T và bà Trần Thị D số tiền 1.402.420.500đồng (một tỷ bốn trăm lẻ hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn năm trăm đồng, trong đó: vốn 1.310.000.000đồng, lãi 92.420.500đồng). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Võ Duy T và bà Trần Thị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị P chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị P chịu 54.072.615đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho ông Võ Duy T và bà Trần Thị D 28.925.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005119 ngày 31/10/2024 (số tiền

25.650.000đồng) và biên lai thu số 0005210 ngày 26/11/2024 (số tiền 3.275.000đồng) của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3/ Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Chi Cục THADS thị xã Cai Lậy, TG;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Bùi Thị Cẩm Loan